TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 572/2018/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 16 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 471/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ 11, khu vực 3, phường HL, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Ông Phạm Minh B, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 11, khu vực 3, phường HL, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị T và ông Phạm Minh B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Bà Trần Thị T và ông Phạm Minh B xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Phạm Minh Th, sinh ngày 28/8/2012, hiện đang ở với ông B. Bà Trần Thị T và ông Phạm Minh B thỏa thuận giao cháu Phạm Minh Th cho ông Phạm Minh B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Phạm Minh Th đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Ông Phạm Minh B không yêu cầu bà Trần Thị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung: Bà Trần Thị T và ông Phạm Minh B xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Bà Trần Thị T và ông Phạm Minh B xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị T tự nguyện chịu 150.000đồng tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà bà T đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/005949 ngày 13/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị T số tiền 150.000đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND xã PT, huyện LT, tỉnh Quảng Bình (ĐKKH số 01 ngày 09/01/2012);
- Lưu: HSVA;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Trần Dũng